

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2025/DS-ST**

Ngày: 09/4/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Kim Hạnh**
2. Ông **Huỳnh Văn Hoàn**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Diễm Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày **09** tháng **4** năm **2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-DS ngày 07/01/2025 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hội”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-DS ngày 05/3/2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số A P, Phường E, thành phố M, Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2024)

** Bị đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, Tiền Giang.

(Chị H xin vắng mặt; chị B vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/12/2024 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc H là đại diện ủy quyền nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị T làm đầu thảo hội, chị B là hội viên có tham gia 04 dây hội tháng cụ thể như sau:

- Dây thứ 01: Hội 2.000.000 đồng khai ngày 06/01/2024, mãn hội ngày 06/8/2025 gồm 20 phần, hội tháng, chị B tham gia 01 phần, đã hót vào kỳ thứ 9 thì ngưng không đóng, tính đến mãn hội còn nợ 11 kỳ số tiền 22.000.000 đồng.

+ Hui đến hạn: Tính đến tháng 4/2025 chị B nợ 07 kỳ x 2.000.000 đồng 01 phần số tiền 14.000.000 đồng.

+ Hui chưa đến hạn: Chị B nợ 04 kỳ x 2.000.000 đồng x 01 phần số tiền 8.000.000 đồng.

- Dây thứ 02: Hui 5.000.000 đồng khai ngày 25/02/2024, mãn hui ngày 25/3/2025 hui tháng gồm 14 phần, chị B tham gia 01 phần, đã hót kỳ thứ 7 thì ngưng, tính mãn hui còn nợ 07 kỳ số tiền 35.000.000 đồng.

- Dây thứ 03: Hui 3.000.000 đồng khai ngày 30/4/2024, mãn hui ngày 30/11/2025 gồm 20 phần, hui tháng, chị B tham gia 01 phần hót kỳ thứ 02, đóng hui chết đến kỳ thứ 05 ngưng, tính mãn hui nợ 15 kỳ số tiền 45.000.000 đồng.

+ Hui đến hạn: Tính đến tháng 4/2025 chị B nợ 08 kỳ x 3.000.000 đồng x 01 phần số tiền 24.000.000 đồng.

+ Hui chưa đến hạn: Chị B nợ 07 kỳ x 3.000.000 đồng x 01 phần số tiền 21.000.000 đồng.

- Dây thứ 04: Hui 5.000.000 đồng khai ngày 29/6/2024, mãn hui ngày 29/01/2026 gồm 20 phần, hui tháng chị B tham gia 01 phần, hót hui kỳ thứ 02, đóng hui chết đến kỳ thứ 03 ngưng, tính mãn hui còn nợ 17 kỳ số tiền 85.000.000 đồng.

+ Hui đến hạn: Tính đến tháng 4/2025 chị B nợ 08 kỳ x 5.000.000 đồng x 01 phần số tiền 40.000.000 đồng.

+ Hui chưa đến hạn: Chị B nợ 09 kỳ x 5.000.000 đồng x 01 phần số tiền 45.000.000 đồng.

Tổng cộng chị B nợ chị T số tiền hui đã đến hạn 113.000.000 đồng, chị B trả được 16.000.000 đồng, còn nợ lại 97.000.000 đồng và hui chưa đến hạn là 74.000.000 đồng. Sau đó, chị B có làm biên nhận nợ tiền hui của chị T với số tiền 179.000.000 đồng. Do đó, nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc chị B trả số tiền hui 171.000.000 đồng, trả 01 lần đối với số tiền hui đến hạn, số tiền hui chưa đến hạn trả theo kỳ khai tiếp theo.

* Bị đơn chị Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và không có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị H là đại diện ủy quyền nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do, nên Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, chị B là có căn cứ đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị T khởi kiện yêu cầu chị B có nghĩa vụ trả số tiền nợ hội tổng cộng 171.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền hội đã đến hạn còn nợ 97.000.000 đồng; trả theo kỳ khai hội đối với số tiền hội chưa đến hạn là 74.000.000 đồng. Bị đơn chị B không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.

Xét, căn cứ vào danh sách hội do nguyên đơn chị T cung cấp thể hiện trong năm 2024 chị T làm đầu thảo hội, chị B là hội viên có tham gia tổng cộng 04 dây hội tháng, chị B đã hốt hết 04 dây hội nhưng không đóng lại tiền hội chết cho chủ hội, sau khi đối chiếu lại thì chị B có làm biên nhận nợ tiền hội của chị T tổng cộng 179.000.000 đồng (trong đó 105.000.000 đồng hội đã đến hạn, còn lại 74.000.000 đồng hội chưa đến hạn). Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt đầy đủ các tục tố tụng cho chị B để thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng chị B không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện và không có mặt tham gia các phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, việc chị B vắng mặt là chị mặc nhiên thừa nhận số tiền nợ hội này, trong quá trình giải quyết vụ án chị B có trả cho chị T được số tiền hội đã đến hạn 16.000.000 đồng, còn nợ lại 97.000.000 đồng chưa trả. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu chị B có nghĩa vụ trả 171.000.000 đồng (trong đó 97.000.000 đồng hội đã đến hạn, còn lại 74.000.000 đồng hội chưa đến hạn trả theo kỳ khai tiếp theo) là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định họ, hội, biểu, phường.

[3] Do nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, nên hai bên đương sự không thỏa thuận được về thời gian trả số tiền hội. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên chị B phải chịu 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định họ, hội, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Buộc chị Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền nợ hui tổng cộng 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu đồng) cách trả như sau:

- Trả một lần số tiền nợ hui đã qua kỳ khai 97.000.000 đồng (Chín mươi bảy triệu đồng).

- Còn lại số tiền nợ hui chưa tới kỳ khai 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng) trả theo kỳ khai hui cụ thể như sau:

+ Ngày 30/5/2025 trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Ngày 30/6/2025 trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Ngày 30/7/2025 trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Ngày 30/8/2025 trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Ngày 30/9/2025 trả 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

+ Ngày 30/10/2025 trả 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

+ Ngày 30/11/2025 trả 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

+ Ngày 30/12/2025 trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Ngày 30/01/2026 trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là đủ.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Ngọc B phải chịu 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền 4.475.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002838 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, chị Nguyễn Ngọc B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, án văn.

Hồ Văn Khỏe